

VỀ NGUỒN GỐC TRUYỆN KỂ *Nghìn lẻ một đêm*

Trần Thị Hồng Vân*

Dường như nghịch lý, khi vinh quang mà thế giới dành cho văn học Trung cổ Arập không phải là những tác phẩm thi ca tao nhã và trào lộng, hay những trang văn xuôi bác học uyên thâm do tầng lớp trí thức cung đình sáng tác, được giới phê bình trung cổ Arập đánh giá cao, mà là những tác phẩm văn học dân gian, đương thời bị xếp vào dòng văn học thứ yếu, bình dân, chỉ để mua vui cho “lớp tiện dân”. Đứng đầu những tác phẩm văn học dân gian đó là kiệt tác *Nghìn lẻ một đêm* - bộ sưu tập đồ sộ các loại truyện kể khác nhau, từ truyện cổ tích, đến thần thoại, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện ngắn, truyện vừa, truyện tâm lý xã hội đến sử thi anh hùng ca v.v... Bạn đọc Việt Nam đã được biết đến những truyện kể trong *Nghìn lẻ một đêm* từ gần một thế kỷ nay (Bản dịch *Nghìn lẻ một đêm* đầu tiên là của Đinh Thái Sơn (chủ nhiệm Nam ký Thư xã) ra đời vào khoảng năm 1910 - Theo Phan Quang, *Lời giới thiệu Nghìn lẻ một đêm*, NXB Văn học, Hà Nội . 1984), nhưng mấy ai đã có dịp đi tìm ngọn nguồn của những chuyện kể lúc chân thực, lúc huyền ảo đầy hấp dẫn ấy, mặc dù trên thế giới suốt gần hai thế kỷ nay người ta đã bàn bạc, tranh luận rất nhiều về cội nguồn của tác phẩm bất hủ mang tính toàn cầu này.

Các tài liệu trung cổ Arập còn lưu lại một số thông báo, chỉ dẫn (dẫu tản mạn và chỉ là những trích đoạn) mà dựa vào đó các nhà nghiên cứu đã đưa ra một số giả thiết về quá trình hình thành bộ sách đồ sộ và tuyệt diệu này. AL- Masudi (chết năm 956) đã để lại một thông tin vô cùng quan trọng trong công trình *Sa khoáng hoàng kim* hoàn thành vào năm 947: “Nhiều người đã từng làm quen với truyện cổ tích của các dân tộc cổ đại, đã khẳng định rằng những câu chuyện tương tự đã được người ta sáng tác, thêu dệt và hoàn thiện thêm. Một mặt, họ muốn làm đẹp lòng giới cầm quyền, mặt khác muốn giữ lại cho những người đương thời và lưu truyền cho thế hệ mai sau. Hơn nữa, những gì đã diễn ra với những cuốn sách đó, cũng chính là những điều đã xảy ra với những cuốn sách, mà ngày nay đã lưu truyền tới chúng ta (tức người Arập - HV) dưới dạng những bản dịch từ tiếng Ba Tư, tiếng Ấn Độ và tiếng Hy Lạp. Trong số những cuốn sách đó có cuốn Hezar Efsane. Tên cuốn sách này dịch từ tiếng Ba Tư sang tiếng Arập là “Alf hurafa” (Một ngàn truyện - HV); ở ta cuốn sách đó đổi thành *Một ngàn đêm*. Cuốn sách đó kể về một vị hoàng đế, quan tể tướng, con gái của ông - Shehrazade và cô nữ tỳ Dinarzade. Trong số những cuốn sách đó có cuốn *Truyện về Diiliad và Shimas*, gồm cả câu chuyện về đức vua Ấn Độ và quan tể tướng, cũng như

* Tiến sĩ, Viện Văn học

truyện về Sindbad và một số cuốn truyện khác có nội dung tương tự" (AL- Masudi T4, 89-90).

Một thông tin khác tương đối cụ thể hơn về bộ sách *Nghìn lẻ một đêm* được lưu lại trong cuốn sách tra cứu nổi tiếng của Ibn an - Nadim, biên soạn vào năm 987. Trong công trình khảo cứu này, An - Nadim đã viết "Người Ba Tư cổ đại là những người đầu tiên soạn thảo những truyện này, ghi chép và tập hợp chúng lại thành những tập, trong đó có một số truyện được kể lại nhân danh những con vật. Sau đó những người Arshakid triều đại vua Ba Tư thứ III đã tiếp tục công việc trên. Đến triều đại các vua Sasannid, số truyện kể đã được bổ sung rất nhiều và phổ biến rộng rãi. Người Ả-rập đã dịch những truyện này sang tiếng của mình. Hơn nữa tham gia vào công việc dịch thuật này là những người có tài hùng biện, nắm chắc ngôn ngữ Ả-rập và giỏi văn chương. Họ đã hoàn thiện hơn về lối hành văn cũng như cách thức kể chuyện, soạn thảo thêm nhiều truyện khác tương tự, theo kiểu những truyện trước. Tác phẩm đầu tiên được cải biên theo kiểu trên là cuốn *Hezar Efsane* dịch sang tiếng Ả-rập có nghĩa là *Alf hurafa*. Nguyên do tên gọi này căn cứ vào nội dung cốt truyện (...). Người ta cho rằng cuốn sách trên được soạn thảo cho Hunai, con gái Bahman (Artakserks I, 464-225 tr CN). Nhưng tôi nghĩ rằng sự thật là thế này: người đầu tiên dùng đêm dài kể chuyện là Aleksandr. Ông ta có những người hầu cận, chuyên mua vui và giúp ông giải trí bằng những câu chuyện kể. Tuy nhiên bản thân ông ta lại xem việc nghe kể chuyện là một cách để giúp quân lính có thể thức để canh gác. Sau Aleksandr, nhiều triều đại vua Ba Tư cũng sử dụng cách thức này, bằng cách sử dụng cuốn sách có nhan đề *Hezar Efsane*, duy trì kể trong một ngàn đêm, còn con số truyện kể khoảng hai trăm, bởi lẽ một truyện dài đương nhiên sẽ

được kể trong mấy đêm liền. Thực ra cuốn sách này tế nhị và được viết bằng một thứ ngôn ngữ thô thiển (Ibn An - Nadim T1, 304). Cũng theo Ibn An - Nadim: tác giả của cuốn *Sách của các tế tướng* là Abu Abdallah, Ibn Abdu - al - Djahshari đã bắt tay soạn một cuốn sách, trong đó ông đã tuyển chọn những chuyện kể của người Ả-rập, người Ba Tư, người Hy Lạp và các dân tộc khác. Các phần của cuốn sách không phụ thuộc vào nhau. Để làm việc này ông đã lần lượt mời những người kể chuyện tới và chọn những chuyện hay nhất mà họ đã kể. Ngoài ra ông còn tuyển chọn những truyện xuất sắc nhất từ những cuốn sách có sẵn. Như vậy ông đã thu thập được số truyện kể trong bốn trăm tám mươi đêm, cứ mỗi đêm là một câu chuyện hoàn chỉnh vào khoảng năm mươi trang (chép tay). Tiếc thay cái chết ập đến bất ngờ, khi công việc của ông còn dang dở. Ibn an - Nadim còn cho biết, chính ông đã tận mắt nhìn thấy cuốn sách đó do Abu Taiib, anh của Shafi chép lại (Mets, 213);

Hamza al - Isfahani, nhà văn, nhà sử học thế kỷ X, trong công trình lịch sử của mình, một cách gián tiếp cũng nhắc tới lịch sử hình thành bộ *Nghìn lẻ một đêm*, mặc dù việc thu thập những truyện kể không thấy ông đả động tới. Thay vào đó ông đã liệt kê một số cuốn sách hoặc chuỗi truyện kể, sau này đã được đưa vào bộ sách. Đồng thời ông cũng khẳng định nguồn gốc Ba Tư của những truyện kể đó, cũng như niên đại của chúng thuộc triều đại Arshakid (khoảng 250 trước CN - 224 sau CN (Theo Filshtinskij 3, 504).

Những năm gần đây, người ta đã tìm thấy những đoạn rời của cuốn sách với nhan đề *Một nghìn đêm* được chép tay từ thế kỷ IX (Abbott, 8). Ngoài ra một nhà sử học Ai Cập có tên là Al - Kurti, trong công trình về lịch sử Ai Cập *Các triều đại Khalip fatimid cuối cùng* (1160 - 1171) cũng nhắc tới bộ sách nổi tiếng ở Ai Cập

thế kỷ XII đó là bộ *Nghìn lẻ một đêm* (Encyclopaedia, 372).

Căn cứ vào những tư liệu của các nhà văn và các học giả Arập thời Trung cổ để lại, cũng như dựa trên sự phân tích các văn bản tác phẩm *Nghìn lẻ một đêm* còn lưu giữ lại đến ngày nay, các học giả phương Tây đã cố gắng dựng lại lịch sử hình thành tác phẩm. Hơn nữa, khi nghiên cứu văn bản tác phẩm, họ không chỉ dựa vào các cứ liệu về lịch sử, địa lý và văn hoá được nhắc tới hoặc phản ánh trong tác phẩm như tên các địa danh, các nhân vật lịch sử, các công trình kiến trúc v.v... (Ví dụ, nhà thờ Hồi giáo Adilia ở Ai Cập (xây dựng năm 1501), giáo chủ Harun ar – Rashid 809 - 813), mà còn phân tích tỉ mỉ văn phong của văn bản tác phẩm. Cho đến thế kỷ XIX có hai quan niệm về quá trình hình thành tác phẩm, đó là: “Khuyh hướng Ấn Độ – Iran và khuyh hướng Arập. Các đại diện tiêu biểu của khuyh hướng Ấn Độ – Iran là nhà ngoại giao, nhà Arập học người Áo – Hamer Purgstall (1774-1856); nhà Arập học người Anh, dịch giả tác phẩm *Nghìn lẻ một đêm* sang tiếng Anh – Richard Burton và đặc biệt là các nhà Ấn Độ học, mà tiêu biểu là nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu văn học người Đức Avgust Shlegel (1767 – 1845). Dựa trên ý kiến của hai học giả Arập cổ đại Al – Masudi và Ibn an – Madim, Hamer Purgstall cho rằng, hạt nhân của *Nghìn lẻ một đêm* là bản dịch tác phẩm *Hezer Efsane* sang tiếng Arập, xoay quanh nó là những truyện kể có nguồn gốc từ Ấn Độ, Iran, Hy Lạp cổ đại, cùng với một số truyện cười có liên quan đến nhân vật Harun ar – Rashid. Ông cho rằng tác phẩm được hình thành dưới triều đại Khalip al – Mamun (813 – 833), còn loạt truyện kể có liên quan tới triều đại Omeiat (622-750) và Abasid (750-1258) với nhân vật trung tâm là giáo chủ Harun ar

– Rashid, cũng như các truyện kể ở thời đại Memluk ở Ai Cập, về sau này vào thời kỳ Ai Cập dưới triều đại Memluk mới được đưa vào tác phẩm. Hamer Purgstall cho rằng vào thời kỳ Ai Cập bị đế quốc Osman chiếm đóng (1517), đời sống văn hoá tinh thần của người Arập lâm vào tình trạng suy thoái, do vậy về mặt qui mô *Nghìn lẻ một đêm* không được bổ sung thêm các truyện kể nữa. Mặc dù vậy không thể xác định được ai là người biên tập cuối cùng của tác phẩm, bởi lẽ một khi sao chép, mỗi người lại sắp xếp, thay đổi theo ý của mình (theo filshtinski 3, 504). Richard Burton cũng coi *Hezar Efsane* là nguyên mẫu của cả tập truyện, còn câu chuyện khung về nàng Shahrazad và Shahriar là phiên bản Iran đã được Arập hoá. Nhà ngôn ngữ học người Đức, nhà thơ, nhà lý luận văn học trường phái lãng mạn Avgust Shlegel (1767-1845) thì lại cho rằng *Nghìn lẻ một đêm* chỉ là bản dịch từ tiếng Sanscrit, trong đó các tên riêng và thuật ngữ của Ấn Độ cổ đại đã được thay thế bằng tên riêng và thuật ngữ có xuất xứ Hồi giáo (ví dụ thay vì kinh Vêda, Vishvamitr, Udaian v.v... là kinh Côran, Suleiman, Harun ar – Rashid v.v... (Schlegel A, 1).

Một số nhà Arập học lớn thế kỷ XIX mà tiêu biểu là A.I. Silvestre de Sacy (1758-1838) đã bác lại quan điểm trên. Theo nhà Arập học người Pháp này thì *Nghìn lẻ một đêm* là tác phẩm của người Arập thời Trung cổ, còn việc Ấn Độ và Iran được nhắc tới trong tác phẩm chỉ là sự sai lệch về lịch sử có chủ ý. Kết luận của ông dựa trên cơ sở *Nghìn lẻ một đêm* thấm đượm thế giới quan Hồi giáo, những phong tục, tập quán được mô tả hoàn toàn là Arập ở giai đoạn sau này. Còn ngôn ngữ của tác phẩm lại hết sức bình dân, rất gần với thổ ngữ Xi Ri thời kỳ suy thoái. De Sacy cho rằng toàn bộ tác phẩm do một tác giả biên soạn ở Xi Ri vào khoảng giữa thế kỷ XV, trong đó từ *Hezar Efsane* soạn giả Xi Ri



chỉ vay mượn câu chuyện khung và một số thủ pháp xây dựng truyện, các nhà biên tập về sau này chỉ việc hoàn thành việc xây dựng bộ sách bằng cách thêm vào đó một số truyện kể từ các tác phẩm khác, ví như: *Cuộc phiêu lưu của Xindbad - người đi biển*, *Câu chuyện Xindbad về sự xảo quyệt của đàn bà v.v..* (Filstinskij, 505).

Quan điểm cực đoan hơn cả là của nhà Arập học người Anh E.V. Lein (1801-1876) khi ông kết luận rằng bộ sách do một tác giả người Ai Cập soạn thảo vào giữa 1475-1525 từ nhiều tác phẩm khác nhau. Đề cương chung của bộ sách do tác giả mượn từ bản dịch sang tiếng Arập của tác phẩm *Hezar Efsane* như ý kiến của Al-Masuddi và Ibn an - Nadim. Sử dụng cấu trúc truyện của Iran, soạn giả đã lồng vào đó những chuyện kể có nguồn gốc từ Ấn Độ (ví dụ: Chuyện kể về Djillia và Shemas) từ Iran (Chuyện về con ngựa bằng gỗ đen) các chuyện kể của Arập (Giáo huấn, Dã sử, Chuyện phiêu lưu, Sử thi anh hùng ca về cuộc chiến tranh chống lại đội quân thập tự v.v...). Theo Lein, những dấu ấn của thời gian trong *Nghìn lẻ một đêm* như trang phục, những công trình kiến trúc, những phác hoạ về đời sống sinh hoạt v.v... hoàn toàn là đặc trưng cho Ai Cập, còn văn phong và ngôn ngữ kể chuyện là của tầng lớp thị dân có học của Ai Cập thế kỷ XVI. Là một bậc thầy về ngôn ngữ Arập và thổ ngữ Ai Cập, uy tín của Lein quá lớn, đến nỗi quan điểm của ông mặc nhiên được thừa nhận suốt một thời gian dài.

Tuy nhiên đến cuối thế kỷ XIX, quan niệm truyền thống về nguồn gốc của *Nghìn lẻ một đêm* đã được sửa đổi. Nhà phương Đông học người Hà Lan M.de Gue (1836-1909) đã phê phán việc lấy những dấu hiệu văn hoá lịch sử mang tính chất bề ngoài làm căn cứ để xác định niên đại của tác phẩm. Ông cho rằng tất cả những thực thể đó (ví dụ: cà phê, thuốc lá v.v...) đã được đưa vào tác phẩm về sau này. Tuy

nhiên trong việc xác định niên đại, quan điểm của Gue cũng gần với quan điểm của trường phái Arập, giống như của A.I. Silvestre de Sacy và E. Lein. Qua phân tích ngôn ngữ của tác phẩm, Gue đi đến kết luận, *Nghìn lẻ một đêm* được biên soạn ở Ai Cập khoảng cuối thế kỷ XV, bởi vì ngôn ngữ bình dân trong văn bản rất gần với ngôn ngữ thông tục của người dân Ai Cập dưới triều đại các Sultan (lãnh chúa Thổ Nhĩ Kỳ). Một nhà phương Đông học khác người Đức Avgust Muler (1848-1892) đã đạt được một bước tiến mới trong nghiên cứu kiệt tác này. Khi phê phán quan điểm một tác giả hay một soạn giả, ông đã phác ra được quá trình dần dần kết tinh của tác phẩm xung quanh hạt nhân Iran. Theo Muler, chuỗi chuyện kể về giáo chủ Harun Ar - Rashid xuất hiện vào thế kỷ X. Đầu tiên chúng tồn tại độc lập, sau này mới được đưa vào bộ sách. Dựa vào ý kiến gián tiếp của nhà sử học Arập Al - Makrizi (1364-1442) và một số nhà sử học khác, Muler đã đi tới kết luận: Trước năm 1250, bộ sách đã được biết tới dưới tên *Nghìn lẻ một đêm* và từ cuối thế kỷ XV tác phẩm đã tồn tại dưới dạng như hiện nay. ý kiến của Muler về sự hình thành dần dần bộ *Nghìn lẻ một đêm* đã được J.Noldeke (1836-1930) phát triển khi ông cho rằng những câu chuyện về tình yêu chốn đô thị, trong đó có nhắc tới nhân vật Harun Ar - Rashid có xuất xứ ở Batda, còn những truyện cười về những việc quậy phá của các nhân vật ranh mãnh và các truyện cổ tích thần kỳ có xuất xứ Ai Cập ở vào giai đoạn muộn hơn (Muler, 222-244).

Vậy là trong suốt gần hai thế kỷ, các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều ý kiến về địa điểm và thời gian hình thành bộ sách. Giai đoạn này kết thúc sau ý kiến của nhà khoa học Đan Mạch I. Estrup (1867-1938) về ba giai đoạn cơ bản của quá trình hình thành bộ *Nghìn lẻ một đêm* và những phân tích của ông về đặc điểm của từng giai đoạn. Quan điểm hiện đại về lịch sử

hình thành tác phẩm *Nghìn lẻ một đêm* chủ yếu do nhà Sêmit học người Đức E. Litman và nhà Arập học Xô Viết Krumskiy đề xuất và sau này Filshtinskij đã tổng kết. Các học giả hiện đại đã cùng đi đến kết luận chung là tác phẩm *Nghìn lẻ một đêm* gồm 3 nhóm chuyện kể chính (còn gọi là ba lớp - HV) được hình thành và đưa vào tác phẩm tại những thời gian và địa điểm khác nhau, đó là các chuyện kể Ấn Độ - Iran, chuyện kể Batđa và chuyện kể Ai Cập. Phần cổ xưa nhất và là cơ sở của *Nghìn lẻ một đêm* là bản dịch sang tiếng Arập những chuyện kể Ấn Độ - Iran trong tác phẩm *Hezar Efsane (Một nghìn truyện)* như Al - Masudi và Ibn An - Nadim đã thông báo (Littman - xem Encyclopaedia; Krumskij; Filshtinskij).

Vào thế kỷ VIII, thời kỳ truyền thống văn hoá Iran thấm đượm tinh thần văn hoá Arập Hồi giáo *Hezar Efsane* đã được dịch từ tiếng Iran sang tiếng Arập dưới tựa đề *Một nghìn đêm*. Phiên bản *Hezar Efsane* được Arập hóa này đã thất truyền. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng câu chuyện khung của tác phẩm về nàng Shahrazad và hoàng đế Shahriar, cùng một số truyện khác có nguồn gốc Ấn Độ (truyện cổ tích thần kỳ: *Người lái buôn và hung thần, Hoàng tử Atmêt và tiên nữ Pari Banu, Người đánh cá và hung thần, Các chuyện kể mang tính giáo huấn: Chàng hoàng tử và bảy vị Thượng thư, Djillia và Shima v.v...* là lớp truyện cổ xưa nhất trong *Một nghìn đêm*, sau này đổi thành *Nghìn lẻ một đêm*. Những chuyện kể Ấn Độ này được du nhập qua Iran vào Arập, kết cấu chuyện kể cơ cốt đan lồng đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc *Nghìn lẻ một đêm* có xuất xứ từ Ấn Độ. Điều này được minh chứng bởi một loạt tác phẩm có cấu trúc cốt truyện đan lồng khác trong kho tàng văn học dân gian Ấn Độ như Panchatantra (sau này còn có một bản dịch khác, sang tiếng Ba Tư rồi được dịch sang tiếng Arập dưới nhan đề

Kalila và Dimna), *Những lời khuyên tốt đẹp, Hai mươi lăm chuyện kể Vetat, Bảy mươi chuyện kể của con vẹt, Ba mươi hai truyện kể về ngôi báu v.v...* Nhiều tác phẩm đã được dịch sang tiếng Ba Tư và trở thành quen thuộc trong văn học Trung cổ Iran (Shahnomê, Titunomê, Sindbadnomê v.v...)

Đối với tác phẩm *Nghìn lẻ một đêm*, kết cấu đan lồng lại rất thích hợp cho việc liên kết và đan cài những chuyện kể có nguồn gốc, xuất xứ khác nhau. Các chuyện kể Ấn Độ đã thâm nhập qua Iran vào Arập và cùng với chúng là các chuyện kể của Iran cũng thâm nhập vào Arập (*Con ngựa gỗ đen* (bản tiếng Việt - *Con ngựa thần kỳ*), *Chuyện về Bard Basim và Djauhar v.v...* *Chuyện về Ardeshir và Hait an - Hufus, Chuyện về người chị ganh tị với cô em út v.v...*). Và một khi đã vào Arập thì kết cấu đan lồng không loại trừ các truyện kể của Arập và cả của các dân tộc láng giềng khác.

Vào thế kỷ IX - X ở Batđa, Bộ *Một nghìn đêm* ngoài những truyện kể Ấn Độ - Iran còn được bổ sung nguồn chuyện tư liệu của Batđa nữa. Chính trong thời gian này, những chuyện kể Arập, có thể trước đó tồn tại độc lập, nay đã được đưa vào bộ sách.

Đến thế kỷ XII- XIII văn bản Kair của *Một nghìn đêm* được hình thành, trong đó những tư liệu của vùng Mesopotam, Xi Ri, Ai Cập cũng được đưa vào tác phẩm. Vào thời gian này tên gọi của tác phẩm cũng có sự sửa đổi. Nếu như trước đây con số "Một nghìn" được hiểu là sự đồng nghĩa với số nhiều, chứ không phải hiểu theo nghĩa chính xác và bản Batđa chỉ gồm số chuyện kể của gần một trăm đêm, thì giờ đây dưới tựa đề mới *Nghìn lẻ một đêm*, theo ý kiến của Littman, chỉ là phiên dịch thành ngữ Tuyếc "Benbir" (một nghìn lẻ một) để chỉ một số nhiều không xác định. Dần dần con số này được tiếp nhận với nghĩa chính xác và như vậy lại xuất hiện nhu cầu: làm thế

nào để số đêm kể chuyện khớp với tên gọi của tác phẩm. Kết quả là nhiều chuyện kể có nguồn gốc khác nhau, trước đây tồn tại độc lập hoặc nằm trong một tập truyện khác, đã được đưa vào tác phẩm. Theo chúng tôi, *Nghìn lẻ một đêm* hiểu theo nghĩa khái quát “số nhiều không xác định” hay nghĩa chính xác đều thích hợp cả, bởi lẽ đó là điều kiện để bổ sung không hạn định số truyện.

Giai đoạn hình thành cuối cùng của bộ sách kéo dài đến tận thế kỷ XV, khi mà tác phẩm đã bao gồm cả những chuyện kể anh hùng ca lịch sử gắn liền với ký ức của nhân dân Ả-rập về những cuộc chiến tranh chống lại đội quân thập tự và đế quốc Bidahtin, rồi cả những chuyện kể có nguồn gốc Viễn Đông được thâm nhập qua các nước Hồi giáo vào Ả-rập cùng với các đội quân viễn chinh của đế quốc Mông Cổ thế kỷ XIII. Sự định dạng cuối cùng của tác phẩm vào thế kỷ XVII- XVIII, khi Sultan Thổ Nhĩ Kỳ Selim I (1512-1520) đã xâm chiếm hoàn toàn Xi Ri và Ai Cập (Filshinskij, 507)

Vậy là cũng giống như tác phẩm văn học dân gian khác, *Nghìn lẻ một đêm* là sản phẩm sáng tạo của nhiều thế hệ những nhà kể chuyện chuyên nghiệp và những người ghi chép, sưu tập, chứ không thuộc về một tác giả hoặc soạn giả cụ thể nào cả. Đôi khi các nhà sưu tập hoặc những người kể chuyện chuyên nghiệp vì mục đích riêng (lưu trữ, quà tặng, để kể chuyện diễn xướng v.v...) đã soạn thảo các tập sách cho mình. Do trình độ văn hoá và học vấn khác nhau, nên ngôn ngữ kể chuyện cũng không đồng nhất: ở một số chuyện kể sử dụng ngôn ngữ kinh viện, chặt chẽ về mặt ngữ pháp, một số chuyện khác thì lại được kể bằng thứ ngôn ngữ bình dân, phóng khoáng, xen lẫn cả thổ ngữ của các địa phương (Iraq, Xi Ri, Ai Cập v.v...). Cũng chính vì có rất nhiều soạn giả, người chép tay tham gia vào quá trình tạo dựng văn bản tác phẩm mà việc

phân chia *Nghìn lẻ một đêm* thành những đêm và trật tự sắp xếp các chuyện kể ở những bản khác nhau cũng không hoàn toàn giống nhau. Đôi khi cùng một câu chuyện nhưng ở những bản khác nhau thì độ dài ngắn, việc sắp xếp tình tiết của cốt truyện cũng như văn phong kể chuyện cũng khác nhau.

Việc khẳng định không có tác giả, soạn giả cụ thể của bộ sách không có nghĩa là chúng ta phủ nhận quyền tác giả của những chuyện kể cụ thể nào đó trong tác phẩm. Một tác phẩm bao giờ cũng có tác giả dù là tập thể hay cá nhân, hữu danh hay khuyết danh. Trong khi phân tích văn bản *Nghìn lẻ một đêm*, điều đập ngay vào mắt chúng ta là sự không đồng nhất về chất lượng nghệ thuật của tác phẩm. Bên cạnh những chuyện kể có nội dung sâu sắc với nghệ thuật dẫn dắt truyện vô cùng hấp dẫn, vẫn có những chuyện kể tẻ nhạt, cốt truyện đơn giản, tình tiết rời rạc. Tuy nhiên, các tác giả của từng đơn vị truyện kể riêng lẻ cho dù tài năng khác nhau, một cách vô tình hay cố ý, trong sáng tác đều tuân thủ chuẩn mực chung của toàn bộ tác phẩm và đã sáng tác theo tập quán chung. Điều này tạo cho *Nghìn lẻ một đêm* được bổ sung nhiều tư liệu đa dạng, nhưng vẫn toàn vẹn, nhất quán về mặt nghệ thuật. Cũng có thể chính sự thống nhất về phương pháp biên soạn đã khiến các nhà nghiên cứu văn bản đi đến kết luận có một tác giả - soạn giả huyền thoại nào đó của cả bộ sách.

Một đặc điểm cần nhấn mạnh trong văn học Trung cổ Ả-rập là cùng với việc truyền lại bằng miệng những chuyện kể thông qua các thế hệ những người kể chuyện chuyên nghiệp, truyền thống thành văn - sao chép cũng được hình thành và hơn nữa hai quá trình này được luôn luôn tồn tại song song và tác động lẫn nhau. Ở một số bản chép lại thường xuất hiện những dị bản mới của các chuyện kể cùng với một số đặc điểm về kết cấu cũng như mô típ và tất

cả những dị bản ấy đều tồn tại song song. Các chuyện kể khi thì được thu ngắn lại, lúc lại được kéo dài ra với những tình tiết, mô típ mới, những quy chuẩn đạo đức của con người ở mỗi thời đại đều để lại dấu ấn có tính chất giáo huấn trong những chuyện kể, buộc người truyền đạt (người kể chuyện, người chép lại...) phải sắp xếp, điều chỉnh lại trọng tâm của câu chuyện, nhấn mạnh hoặc lược bớt đi một số tình tiết để phù hợp với thực tiễn của thời đại mình; thay thế tên gọi những thực thể của quá khứ bằng những từ vựng (hoặc thuật ngữ) của thời đại mình. Họ đã bỏ qua tất cả những gì đã lỗi thời, đưa vào văn bản những chất liệu đã quen thuộc với người nghe (đọc). Điều này đã gây khó khăn cho việc xác định niên đại của một số đơn vị chuyện kể trong bộ sách, nhưng thay vào đó trong diễn xướng (kể chuyện, quá trình đọc) đã giúp người nghe (đọc) tiếp nhận chuyện kể một cách dễ dàng hơn, khiến cho những sự kiện của quá khứ dễ hiểu hơn đối với họ.

Về mặt thể loại, *Nghìn lẻ một đêm* là một bức tranh muôn màu, trong đó có một số lượng lớn những chuyện kể về tình yêu, những chuyện cổ tích thần kỳ, chuyện kể về đời sống xã hội (khiến ta liên tưởng tới thể loại fabliau của văn học phương Tây thời kỳ Trung cổ), những chuyện quây phá của các nhân vật ranh mãnh (tương tự như ở phương Tây, hay truyện về các chàng "Cuội" ở ta), các chuyện kể phiêu lưu, sử thi anh hùng ca, chuyện cười gắn với một số nhân vật lịch sử, truyện kể có nội dung giáo huấn – thể loại rất được ưa chuộng đối với người Ả-rập thời Trung cổ. Tất cả những thể loại truyện kể ấy có thể khác nhau về xuất xứ, về địa điểm và thời gian hình thành, khác nhau về nội dung và giá trị nghệ thuật, về cách nhìn nhận đối với những sự kiện được mô tả trong truyện, cũng như mục đích giáo huấn được đặt ra, nhưng chúng đều có cội nguồn văn học

nhất định, là sản phẩm của trí óc tưởng tượng phong phú của nhân loại. Và người Ả-rập thời đại Trung cổ không chỉ đóng vai trò người lưu trữ, bảo tồn những áng văn chương đó, hơn thế nữa họ còn là những nghệ sĩ đã sáng tạo, làm giàu hơn, làm phong phú thêm, đa dạng hơn kho tàng văn học dân gian của nhân loại.

Tài liệu tham khảo

1. Abbott N.A. *Ninth – century fragment of the "Thousand Nights", New light on the early history of the Arabian night. Journal of Near Eastern studies, Chicago. 1949*
2. *Encyclopaedia of Islam. New ed. T1 – 5 Leiden – London 1960 – 1984.*
3. Hamza al-Isfahani *The annals of Hamza al-Isfahani. Journal of the Orietal Institute, 1932.*
4. Al-Maudi *Le prairies d'ore. Texte et traduction par Barbier de Maynard et Pavet de Cuoriteille Vol 1-9. Paris 1861-1877.*
5. Mez A. *Мусульманский ренесанс. Москва, 1973.*
6. Muller A. *Zu den marchen der 1001 Nacht. Beitrage Zur k. der indogermanischen Sprachen. Gottingeu, 1988.*
7. *Nghìn lẻ một đêm (T1-10). Nxb. Văn học, Hà Nội, 1981-1989.*
8. Schlegel A. *Lettre a` M.le baron Silvestre de Sacy. Journal Asiatique, P. 1936.*
9. Фильштинский И. М. *Историческая почва "Тысячи и одной ночи. – М. Герхардт. Искусство повествования (литературное и сследование "Тысячи и одной ночи"). М, 1984.*
10. Фильштинский И. М. *Арабская классическая литература. М. 1985.*
11. М. Герхардт. *Искусство повествования (литературное исследование "Тысячи и одной ночи"). М, 1984.*
12. Грунебаум Г. Е. *Основные черты Арабо-мусульманской культуры. М. 1960.*
13. Халидов Б. А. *Арабские рукописи и арабская рукописная традиция. М. 1985.*